

**TÒA ÁN NHÂN NHÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:203/2019/DS-PT

Ngày:15-07-2019

V/v tranh chấp:“ Đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em**;

Các Thẩm phán: Bà **Lâm Ngọc Tuyên.**

Ông **Võ Trung Hiếu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Liễu Hạnh**-Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu**-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2019/TLPT- DS ngày 27 tháng 05 năm 2019 về tranh chấp: “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 13 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 210/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Anh **Lê Hồng H**, sinh năm: 1976 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2.*Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975(có mặt);

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T là luật sư Phan Văn H-Văn phòng luật sư Phan Văn H, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.*Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Lê Hồng H trình bày:

Trước đây anh có thỏa thuận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L cha chị T phần đất diện tích 4.695m² với giá 270.000.000 đồng. Theo thỏa thuận anh đưa trước cho ông L 200.000.000 đồng, phần còn lại khi làm thủ tục xong sẽ đưa. Anh đã vay mượn được số tiền 200.000.000 đồng và đưa cho chị T là vợ anh trước đây

để đưa cho ông L, nhưng sau đó chị T không giao mà chỉ hết 130.000.000 đồng để lo bệnh cho con, anh cũng đồng ý. Số tiền còn lại 70.000.000 đồng chị T không giao lại cho anh. Đến ngày 07/9/2018 anh có làm đơn thưa ở xã E, huyện G yêu cầu chị T trả số tiền 70.000.000 đồng, chị T có hứa sau khi giải quyết ly hôn thì chị sẽ trả. Anh và chị T ly hôn vào ngày 05/10/2018 theo Quyết định số 355/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện G nhưng chị T cũng không giao lại số tiền trên cho anh. Nay anh H yêu cầu chị T phải trả cho anh số tiền 70.000.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày

Chị thừa nhận có nhận của anh H số tiền 200.000.000 đồng như anh H trình bày là đúng, vì lúc đó con bệnh nên chị đã chi tiêu số tiền 130.000.000 đồng và hiện còn giữ của anh H 70.000.000 đồng, chị xác nhận đây là tài sản riêng của anh H không phải là tài sản chung của vợ chồng. Trước khi ly hôn anh H và chị có thỏa thuận số tiền 70.000.000 đồng là để nuôi con vì khi ly hôn anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Nay chị không đồng ý trả số tiền 70.000.000 đồng như anh H yêu cầu, chị giữ lại để nuôi con.

Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 13 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 164, Điều 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 3/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hồng H. Buộc chị Nguyễn Thị T trả cho anh Lê Hồng H số tiền 70.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các bên đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 15/03/2019 chị Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hồng H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hồng H, anh H không đồng ý.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn cho rằng số tiền 70.000.000 đồng chị T giữ là tài sản riêng của anh H nhưng từ khi anh H, chị T ly hôn, anh H không

có nghĩa vụ đối với con. Chị T giữ số tiền này là để qui trách nhiệm của anh H nuôi con sau ly hôn. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+Về nội dung vụ án: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của Nguyễn Thị T còn trong thời hạn luật định đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Đòi tài sản” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh H và chị T là vợ chồng, trong quá trình chung sống thì anh H có thỏa thuận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L diện tích đất 4.695m² với giá 270.000.000 đồng, theo thỏa thuận anh H đưa trước cho ông L 200.000.000 đồng, phần còn lại làm thủ tục xong giao đủ. Anh H đã vay mượn được số tiền 200.000.000 đồng đưa cho chị T chồng tiền cho ông L nhưng chị T không giao cho ông L mà giữ luôn. Sau đó hai bên thống nhất điều trị bệnh cho con hết 130.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng chị T thừa nhận đây là tiền riêng của anh H. Tại biên bản hòa giải về việc tranh chấp đất ngày 07/9/2018 chị T đồng ý trả lại anh H 70.000.000 đồng khi anh chị ly hôn. Hiện nay anh H và chị T đã ly hôn được Tòa án nhân dân huyện G giải quyết tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 355/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/10/2018 nhưng chị T không thực hiện trả lại cho anh H số tiền 70.000.000 đồng là vi phạm thỏa thuận. Anh H yêu cầu chị T trả số tiền

70.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H buộc chị T trả cho anh H 70.000.000 đồng là có căn cứ.

Chị T kháng cáo cho rằng số tiền 70.000.000 đồng chị giữ cũng đã điều trị bệnh cho con nên chị không có tiền trả lại cho anh H. Xét thấy lời khai nại này của chị T không được chấp nhận, chị T không đưa ra chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G.

Ý kiến luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn không phù hợp nhận định trên nên không chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị T không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 164, Điều 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 3/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm: 19/2019/DS-ST ngày 13 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện G.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Hồng H. Buộc chị Nguyễn Thị T trả cho anh Lê Hồng H số tiền 70.000.000 đồng. Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu là 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm chị đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 09970 ngày 15/3/2019 của Chi Cục thi

hành án dân sự huyện G được chuyển sang án phí, chị T còn phải nộp tiếp 3.500.000 đồng.

Anh Lê Hồng H được nhận lại số tiền 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 09702 ngày 03/01/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phí thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Em